

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày: 30-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Hương Giang.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1999, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp T A, xã T A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Lê Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính, vào ngày 28 tháng 9 năm 2015, Công an huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp phạt tiền 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; 01 lần bị kết án theo Bản án số: 35/2016/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 tháng tù, về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 25 tháng 3 năm 2017; bị bắt, tạm giam ngày 22 tháng 4 năm 2019; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn L là luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung T2 Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thanh H, năm sinh 1990; nơi cư trú: ấp L, xã L A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Nguyễn Quốc V, năm sinh 1996; nơi cư trú: ấp T A, xã T A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Hữu Đ, năm sinh 1988; nơi cư trú: ấp L, xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Văn T1 (T1 Sửa), sinh ngày 24 tháng 5 năm 1988; nơi cư trú: ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Phan Thị S, Nguyễn Thị V, Trần Hồng N1, Tô Thanh T2, Nguyễn Hữu T3, Bùi Thị O (X); đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 01 tháng 02 năm 2019, Phạm Văn T đang ở nhà của Nguyễn Văn T1 (tại xã An Bình A, thị xã H) thì Nguyễn Hữu Đ (là bạn T) gọi điện rủ đi trộm xe. T Đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe Cup 50, không có biển số, chở T đi đến xã L A tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực ấp L, xã L A, huyện H, Đ phát hiện xe gắn máy biển kiểm soát 66GA - 001.05 của anh Nguyễn Thanh H đậu trong sân nhà, chìa khóa còn trong ổ khóa, hàng rào không khóa. T ở ngoài, Đ đi vào trong mở cổng rào rồi dẫn xe ra đường nổ máy xe chạy trước, còn T chạy xe Cup 50 theo sau. Khi về đến nhà Đ, Đ đem xe Cup 50 vào nhà cất, rồi lấy xe vừa trộm chở T chạy về nhà T1. Trên đường đi, thấy có biển số xe 67H1- 296.99 đang treo ở cái sạp trên đường nên Đ kêu T lấy để thay vào xe vừa trộm được. Khi chạy về nhà T1, thấy nhà đóng cửa nên T đưa Đ về nhà. Còn T quay lại trại gà T1, đổi biển số 66GA - 001.05 thay vào biển số 67H1- 296.99 rồi ngủ. Đến sáng ngày 02 tháng 02 năm 2019, T thức dậy lấy xe chạy về, thì T1 ngăn cản, đánh T, không cho lấy xe đi, làm xe ngã hư hỏng phần đầu xe. T bỏ đi. Sau đó, Công an xã An Bình A đến thu giữ xe và mời T về làm việc và chuyển về cho Công an xã L A tiếp tục điều tra.

Khoảng 19 giờ 50 phút, ngày 22 tháng 02 năm 2019, Nguyễn Quốc V đang ngồi uống cà phê tại quán bà Phan Thị S tại ấp T A, xã T A. Lúc này, Phạm Văn T và Phạm Văn Mến chạy xe đến. Mến ở ngoài xe, T đi vào quán. T đi đến chỗ V hỏi chuyện, thì V trả lời và có chửi thề. T sau lưng V cách khoảng 0,5 mét, tay phải chụp lấy ly thủy tinh của V đang uống cà phê để trên bàn, đánh V 01 cái hướng từ phải qua trái trúng vào đuôi mắt phải chảy máu, thì V bỏ chạy. T và Mến đuổi theo. T cầm chai nước ngọt hiệu Number ném V nhưng không trúng mà trúng vào tủ bà Trần Hồng N1 làm bể tủ, rồi T và Mến đi về. V được gia đình đưa đến Trạm y tế xã Long Thuận điều trị.

Vật chứng thu giữ:

- 01 ly thủy tinh, có cán cầm, chiều cao ly là 12,5cm, đường kính miệng ly là 8,5cm, đường kính đáy ly là 06cm; 01 xe gắn máy biển số 66GA - 001.05, nhãn hiệu Kwasakki; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho anh H và bà S.

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng; Cơ quan điều tra xét thấy không phải là công cụ phạm tội, do Mến và Hữu không có mặt ở địa phương, nên đã giao lại tài sản cho ông Phạm Văn Chung là cha của T quản lý.

- 01 biển số xe 67H1- 296.99.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG-TSHS ngày 09 tháng 02 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Xe gắn máy biển số 66GA - 001.05, nhãn hiệu Kwasakki, đầu xe bị bể hoàn toàn; trị giá xe là 3.000.000 đồng; trị giá sửa chữa đầu xe là 1.400.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 71/TgT ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Trung T2 Pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Nguyễn Quốc V: Sẹo vết thương phần mềm phức tạp đuôi mắt phải gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%; Sẹo do vật tày gây nên.

Tại Cáo trạng truy tố số 14/CT-VKSHN ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích” và từ 09 đến 12 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; tổng hợp 02 tội là từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù.

- Vật chứng: Căn cứ khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tiêu hủy biển số xe 67H1- 296.99.

- Về dân sự: Đề nghị công nhận sự tự thỏa thuận của bị hại H và bị cáo.

- Đối với Nguyễn Hữu Đ, không có mặt ở địa phương, hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự truy nã về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, khi nào bắt được tiếp tục được làm rõ xử lý sau.

- Đối với Phạm Văn Mến khai nhận việc T gây thương tích cho V là chỉ một mình T và không có bàn bạc với Mến. Hiện nay, Mến không có mặt ở địa phương khi nào làm việc được xử lý sau.

- Đối với hành vi của T dùng chai thủy tinh ném bể tủ của bà N1, bà N1 không yêu cầu xử lý nên không xem xét giải quyết.

- Đối với Nguyễn Văn T1, trong quá trình điều tra bị can T khai việc trộm tài sản là do T1 xúi giục, nhưng quá trình làm việc T1 không thừa nhận, ngoài ra

cũng không có chứng cứ nào chứng minh T1 đồng phạm nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

Bị cáo T thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Lê Văn L phát biểu ý kiến: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, thống nhất theo ý kiến của Kiểm sát viên. Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ gia đình bị cáo nghèo, bị cáo không biết chữ bị bạn bè rủ rê, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Bản kết luận điều tra vụ án hình sự và đề nghị truy tố của Cơ quan Điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát xác định bị cáo có 01 tiền án và xem là tình tiết tăng nặng “tái phạm” là chưa chính xác, bởi vì: Khi bị cáo bị kết án vào ngày 23 tháng 8 năm 2016 thì bị cáo chỉ mới 17 tuổi 02 ngày và bị kết án về tội ít nghiêm trọng. Điều 107 BLHS quy định về xóa án tích: “1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:... b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng...”. Vì vậy, không được coi bị cáo có án tích. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã rút lại tình tiết tăng nặng này là phù hợp, nhưng cần phải rút kinh nghiệm khi ban hành Bản kết luận điều tra vụ án hình sự và Cáo trạng. Thứ hai, xe của anh H là loại xe 02 bánh dưới 50cm³, xác định xe mô tô là chưa đúng, mà phải xác định là xe gắn máy theo quy định tại tiểu mục 3.40 Điều 3 “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ” - QCVN 41:2016/BGTVT được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; cần rút kinh nghiệm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; ngày 01 tháng 02 năm 2019, có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản là xe gắn máy của bị hại H trị giá 3.000.000 đồng; ngày 22 tháng 02 năm 2019, có hành vi cố ý trực

tiếp dùng ly thủy tinh, là hung khí nguy hiểm, đánh bị hại V với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận các hành vi của bị cáo Phạm Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS và “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS.

[4] Điều 134 BLHS, quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này...”

[5] Điều 173 BLHS, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[6] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[8] Đối với hành vi cố ý gây thương tích: Sức khỏe, tính mạng là vốn quý báu của con người, vì nó trực tiếp làm ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng đều phải bị pháp luật xử phạt một cách thích đáng, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây tổn thương cơ thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Cụ thể, bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại V, trong khi sự việc không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng vì bản tính nóng nảy, hung hăng, thích hành xử với người khác bằng bạo lực nên dẫn đến vi phạm pháp luật.

[9] Đối với hành vi trộm cắp tài sản: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[10] Các hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi

phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[11] Về nhân thân: Bị cáo đã từng có 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và 01 lần bị kết án.

[12] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[13] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại H quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, áp dụng các tình tiết trên để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[14] Đối với Nguyễn Văn T1: Bị cáo T cho rằng T1 chặn xe không cho lấy đi khỏi nhà T1 là do Đ còn nợ T1, chứ T không có nợ T1; trước đây có mượn xe T1 đi cầm nhưng đã chuộc lại rồi. Còn T1 không thừa nhận mà cho rằng do chính T còn nợ tiền T1 nên mới không cho T lấy xe đi. Trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ nào khác để xác định T1 có hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát không đề cập đến trách nhiệm hình sự trong vụ án này là phù hợp. Ngoài ra, Cáo trạng cũng có nêu một số vấn đề khác nhưng không đề nghị Tòa án xem xét là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại H đã thỏa thuận, bị cáo bồi thường thiệt hại tiền sửa chữa xe cho bị hại H số tiền 1.700.000 đồng; việc thỏa thuận là phù hợp, không trái pháp luật, đạo Đ xã hội nên công nhận. Bị hại V không có yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên không xem xét.

[16] Về vật chứng: Viện kiểm sát đề nghị phù hợp nên chấp nhận.

[17] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn đề nghị miễn án phí nên cho miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” và “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích” và 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe 67H1 - 296.99 (Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản Về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 7 năm 2019).

3. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại H: Bị cáo Phạm Văn T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Nguyễn Thanh H số tiền 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn T được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 8 năm 2019). Đối với người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú